TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 26

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số 10 611 938 đọc là:

A. mười triệu sáu trăm mười một nghìn chín trăm ba mươi tám

B. mười triệu bảy trăm mười một nghìn chín trăm ba mươi tám

C. mười triệu sáu trăm mười một nghìn chín trăm bốn mươi tám

D. mười triệu sáu trăm mười một nghìn chín trăm ba mươi chín

Câu 2. *(0,5 điểm)* Có bao nhiêu số chẵn từ 57 593 đến 57 621?

A. 13 **B.** 14 **C.** 15 **D.** 28

Câu 3. *(0,5 điểm)* Giá trị của chữ số 5 trong số 1 534 683 là:

A. 500 000 **B.** 50 000 **C.** 5 000 000 **D.** 5

Câu 4. *(0,5 điểm)* Chu vi hình vuông cạnh a được tính theo công thức P = a × 4. Với a = 13 cm thì P bằng:

A. 169 cm **B.** 52 cm **C.** 17 cm **D.** 26 cm

Câu 5. *(0,5 điểm)* Một hội trường có 10 hàng ghế, mỗi hàng 23 ghế, người ta kê thêm 33 ghế nhựa. Có 234 người đến họp, mỗi người ngồi một ghế. Số ghế còn trống là:

A. 62 **B.** 263 **C.** 39 **D.** 29

Câu 6. *(0,5 điểm)* Biểu thức nào có giá trị bằng (107 + 210) + 897?

A. 107 + (210 + 897) **B.** (107 + 210) × 897

C. 107 + 210 − 897 **D.** 107 × 210 + 897

Câu 7. *(0,5 điểm)* Năm 1556 thuộc thế kỉ nào?

A. thế kỉ XVI **B.** thế kỉ XVII **C.** thế kỉ XIV **D.** thế kỉ XV

Câu 8. *(0,5 điểm)* Lúc 2 giờ đúng, kim giờ và kim phút của đồng hồ tạo thành:

A. góc vuông **B.** góc nhọn **C.** góc bẹt **D.** góc tù

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Cho các số: 530 484, 529 484, 528 494, 589 424, 549 284.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn: ……

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện:

a) 3166 + 187 + 813 = ……

b) 5134 + 7642 − 134 = ……

c) 588 + 2320 + 12 = ……

Câu 11. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 7 tấn 500 kg …… 5700 kg

b) 6 m² 50 dm² …… 650 dm²

c) 5 thế kỉ …… 501 năm

d) 7 254 173 …… 7 255 173

Câu 12. *(1 điểm)* Hình chữ nhật ABCD có chiều dài 24 cm, chiều rộng 8 cm. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số cặp cạnh song song: ……

b) Số cặp cạnh vuông góc: ……

c) Diện tích hình chữ nhật: …… cm²

Câu 13. *(1 điểm)* Quan sát hình bên (góc vuông đã được đánh dấu) rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

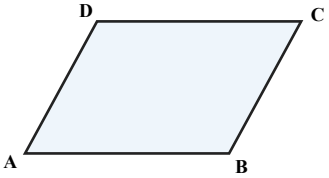

a) Số góc vuông: ……

b) Số góc nhọn: ……

c) Số góc tù: ……

Câu 14. *(1 điểm)* Hai thùng có tất cả 86 l dầu. Thùng thứ nhất nhiều hơn thùng thứ hai 14 l. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?

a) Thùng thứ nhất: …… l

b) Thùng thứ hai: …… l

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 26

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	A	B	D	A	A	B

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 528 494, 529 484, 530 484, 549 284, 589 424

b) 589 424 − 528 494 = 60 930

Câu 10.

a) 3166 + (187 + 813) = 3166 + 1 000 = 4166

b) (5134 − 134) + 7642 = 5000 + 7642 = 12 642

c) (588 + 12) + 2320 = 600 + 2320 = 2920

Câu 11.

a) 7500 > 5700

b) 650 = 650

c) 500 < 501

d) 7 254 173 < 7 255 173

Câu 12.

a) AB // DC, AD // BC: 2 cặp

b) Bốn góc vuông: 4 cặp cạnh vuông góc

c) 24 × 8 = 192 (cm²)

Câu 13.

Dùng ê ke kiểm tra các góc ở đỉnh của hình bình hành ABCD: 0 góc vuông, 2 góc nhọn, 2 góc tù.

Câu 14.

Thùng thứ nhất: (86 + 14) : 2 = 50 (l)

Thùng thứ hai: 50 − 14 = 36 (l)